

**UBND THỊ XÃ AN NHƠN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
VÀ PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

An Nhơn, ngày 18 tháng 4 năm 2024

Số: 147/BQLDA ĐTXD&PTQĐ
Về việc đăng tải công khai trên
Trang Thông tin điện tử về thông báo
đấu giá quyền sử dụng đất tại các
Khu, Điểm quy hoạch dân cư tại địa
bản thị xã An Nhơn

Kính gửi:

- Sở Tài chính Bình Định;
- Sở Tư pháp Bình Định.

Căn cứ Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018; Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 và Quyết định số 78/2023/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Bình Định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất tại địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh);

Căn cứ Văn bản số 2345/STC-QLGCS ngày 27/9/2018 của Sở Tài chính Bình Định về việc cung cấp thông tin về thông báo đấu giá quyền sử dụng đất để đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính;

Căn cứ Văn bản số 1092/STP-BTTP ngày 18/12/2018 của Sở Tư pháp Bình Định về việc cung cấp thông tin về thông báo đấu giá quyền sử dụng đất để đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp;

Thực hiện Quyết định và các Văn bản nêu trên, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn thông báo đấu giá quyền sử dụng đất 290 lô đất tại địa bàn thị xã An Nhơn, cụ thể như sau:

1. Số lượng lô đất và địa chỉ lô đất:

- 36 lô đất ở tại Khu dân cư phía Tây đường liên phường Bình Định đi Nhơn Hưng tại phường Bình Định và phường Nhơn Hưng;
- 24 lô đất ở tại Khu dân cư số 02 phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 08 lô đất ở tại Điểm quy hoạch dân cư giáp nhà máy nước sạch, khu vực Kim Châu, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 05 lô đất ở tại Khu dân cư phía Tây đường Chu Văn An, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 35 lô đất ở tại Khu dân cư tiếp giáp khu dân cư N4A nối dài về phía Tây, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;

- 04 lô đất ở tại Khu dân cư khu vực Phò An (Đợt 2), phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;

- 06 lô đất ở tại Điểm dân cư tại khu vực Phò An (Vị trí xen kẹt: Cạnh nhà ông Bùi Văn Việt), phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;

- 56 lô đất ở tại Khu dân cư Đông Bàn Thành 2, khu vực Bả Canh, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;

- 11 lô đất ở tại Điểm dân cư Đám Hào, khu vực Lý Tây, phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;

- 08 lô đất ở tại Khu dân cư phía Nam đường Ngô Văn Sở (Đập Đá - Nhơn Hậu), xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;

- 07 lô đất ở tại Khu dân cư Ngãi Chánh 4 (Giai đoạn 2), xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;

- 02 lô đất ở tại Điểm dân cư thôn Bắc Nhạn Tháp, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;

- 59 lô đất ở tại Khu dân cư nông thôn xóm 2, thôn An Hoà, xã Nhơn Khánh (Đợt 2), thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;

- 17 lô đất ở tại Khu dân cư phía Tây chùa Bửu Quang, thôn Thắng Công, xã Nhơn Phúc, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;

- 12 lô đất ở tại Khu dân cư Trung tâm kết hợp đầu tư mở rộng chợ Nhơn Tân, xã Nhơn Tân (Đợt 1), thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;

2. Ký hiệu, vị trí, lộ giới, diện tích, giá khởi điểm, khoản tiền đặt trước, tiền hồ sơ tham gia đấu giá và bước giá của từng lô đất: Có bảng kê lập kèm theo

3. Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất: Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương, địa chỉ: Số 14A đường Phan Đăng Lưu, phường Trần Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (Website: www.daugiataisandongduong.com).

4. Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá:

a) Cuộc đấu giá quyền sử dụng đất và công bố vào ngày 12/5/2024, gồm 68 lô đất, trong đó: Khu dân cư phía Tây đường liên phường Bình Định đi Nhơn Hưng tại phường Bình Định và phường Nhơn Hưng - 36 lô đất, trong đó: Khu NOLK01 - 21 lô đất, gồm: Từ lô số 06 đến lô số 26; Khu NOLK03 - 01 lô đất số 09; Khu NOLK04 - 14 lô đất, gồm: Từ lô số 19 đến lô số 31 và lô số 47; Khu dân cư số 02 phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, khu vực Vĩnh Liêm, phường Bình Định - 24 lô đất (Khu NP-TM2), gồm: Từ lô số 01 đến lô số 24; Điểm quy hoạch dân cư giáp nhà máy nước sạch, khu vực Kim Châu, phường Bình Định - 08 lô đất, trong đó: Khu A - 07 lô đất, gồm: Lô số 18, lô số 19, từ lô số 23 đến lô số 26 và lô số 31; Khu B - 01 lô đất số 12, cụ thể như sau:

- Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: Liên tục kể từ ngày niêm yết đến 11 giờ 30 phút ngày 09/5/2024 tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương;

- Thời gian đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá tại Số 320 đường Trần Phú (Lầu 1), phường Bình Định, thị xã An Nhơn: Từ 07 giờ 30 phút ngày 08/5/2024 đến 16 giờ ngày 09/5/2024;

- Thời gian kết thúc đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn: Từ 07 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút ngày 09/5/2024;

- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến trước 16 giờ 30 phút ngày 09/5/2024;

- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút ngày 12/5/2024 tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn).

b) Cuộc đấu giá quyền sử dụng đất và công bố vào ngày 19/5/2024, gồm 71 lô đất, trong đó: Khu dân cư Đông Bàn Thành 2, khu vực Bả Canh, phường Đập Đá, trong đó: (Khu OLK - 01) - 16 lô đất, gồm: Từ lô số 01 đến lô số 03 và từ lô số 22 đến lô số 34; (Khu OLK - 02) - 26 lô đất, gồm: Lô số 01, lô số 03, lô số 04, lô số 07, từ lô số 10 đến lô số 14 và từ lô số 16 đến lô số 32; (Khu OLK - 04) - 02 lô đất, gồm: Lô số 18 và lô số 19; Khu OSH- 12 lô đất, gồm: Từ lô số 01 đến lô số 12; Khu dân cư nông thôn xóm 2, thôn An Hoà, xã Nhơn Khánh - 15 lô đất Khu B, gồm: Từ lô số B2 đến lô số B14, lô số B23 và lô số B28; Các lô đất còn lại thuộc các Khu, Điểm dân cư do không có người tham gia đấu giá của phiên đấu giá ngày 12/5/2024; cụ thể như sau:

- Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: Liên tục kể từ ngày niêm yết đến 11 giờ 30 phút ngày 16/5/2024 tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương;

- Thời gian đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá tại Số 320 đường Trần Phú (Lầu 1), phường Bình Định, thị xã An Nhơn: Từ 07 giờ 30 phút ngày 15/5/2024 đến 16 giờ ngày 16/5/2024;

- Thời gian kết thúc đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn: Từ 07 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút ngày 16/5/2024;

- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến trước 16 giờ 30 phút ngày 16/5/2024;

- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút ngày 19/5/2024 tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn).

c) Cuộc đấu giá quyền sử dụng đất và công bố vào ngày 26/5/2024, gồm 73 lô đất, trong đó: Khu dân cư phía Tây đường Chu Văn An, phường Nhơn Hưng - 05 lô đất (Khu A), gồm: Lô số 09 và từ lô số 15 đến lô số 18; Khu dân cư tiếp giáp với Khu dân cư N4A nối dài về phía Tây phường Nhơn Hưng - 35 lô đất; Trong đó: Khu NOLK01 - 15 lô đất, gồm: Lô số 07 và từ lô số 10 đến lô số 23; Khu NOLK02 - 20 lô đất, gồm: Từ lô số 01 đến lô số 20; Khu dân cư khu vực Phò An, phường Nhơn Hưng - 04 lô đất Khu D, gồm: Lô số 01, lô số 07, lô số 11 và lô số 12; Điểm dân cư khu vực Phò An (vị trí xen kẹt: Cạnh nhà ông Bùi Văn Việt), phường Nhơn Hưng -

06 lô đất, gồm: Từ lô số 01 đến lô số 06; Khu dân cư nông thôn xóm 2, thôn An Hoà, xã Nhơn Khánh - 23 lô đất Khu E, gồm: Từ lô số E1 đến lô số E16 và từ lô số E18 đến lô số E24; Các lô đất còn lại thuộc các Khu dân cư do không có người tham gia đấu giá của phiên đấu giá ngày 19/5/2024; cụ thể như sau:

- Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: Liên tục kể từ ngày niêm yết đến 11 giờ 30 phút ngày 23/5/2024 tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương;

- Thời gian đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá tại Số 320 đường Trần Phú (Lầu 1), phường Bình Định, thị xã An Nhơn: Từ 07 giờ 30 phút ngày 22/5/2024 đến 16 giờ ngày 23/5/2024;

- Thời gian kết thúc đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn: Từ 07 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút ngày 23/5/2024;

- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến trước 16 giờ 30 phút ngày 23/5/2024;

- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút ngày 26/5/2024 tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn).

d) Cuộc đấu giá quyền sử dụng đất và công bố vào ngày 02/6/2024, gồm 57 lô đất, trong đó: Khu dân cư phía Nam đường Ngõ Văn Sở, xã Nhơn Hậu - 08 lô đất, trong đó: Khu A - 02 lô đất, gồm: Lô số 01 và lô số 05; Khu B - 03 lô đất, gồm: Từ lô số 14 đến lô số 16; Khu C - 03 lô đất, gồm: Lô số 01, lô số 14 và lô số 15; Khu quy hoạch dân cư Ngã Chánh 4 (Giai đoạn 2), xã Nhơn Hậu - 07 lô đất, trong đó: Khu A - 06 lô đất, gồm: Từ lô số 03 đến lô số 08; Khu B - 01 lô đất số 06; Điểm dân cư thôn Bắc Nhạn Tháp, xã Nhơn Hậu - 02 lô đất, gồm: Lô số 02 và lô số 03; Khu dân cư phía Tây chùa Bửu Quang, thôn Thắng Công, xã Nhơn Phúc - 17 lô đất, trong đó: Khu A - 10 lô đất, gồm: Lô số A4, từ lô số A9 đến lô số A14, lô số A19, lô số A20 và lô số A22; Khu B - 07 lô đất, gồm: Từ lô số B22 đến lô số B28; Khu dân cư Trung tâm kết hợp đầu tư mở rộng chợ Nhơn Tân (Đợt 1), xã Nhơn Tân - 12 lô đất, trong đó: Khu B - 06 lô đất, gồm: Từ lô số 03 đến lô số 06, lô số 11 và lô số 18; Khu B - 02 lô đất, gồm: Lô số 07 và lô số 09; Khu E - 04 lô đất, gồm: Từ lô số 04 đến lô số 06 và lô số 10; Điểm dân cư Đám Hào, khu vực Lý Tây, phường Nhơn Thành - 11 lô đất, gồm: Từ lô số 07 đến lô số 10 và từ lô số 12 đến lô số 18; Các lô đất còn lại thuộc các Khu, Điểm dân cư do không có người tham gia đấu giá của phiên đấu giá ngày 26/5/2024; cụ thể như sau:

- Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: Liên tục kể từ ngày niêm yết đến 11 giờ 30 phút ngày 30/5/2024 tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương;

- Thời gian đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá tại Số 320 đường Trần Phú (Lầu 1), phường Bình Định, thị xã An Nhơn: Từ 07 giờ 30 phút ngày 29/5/2024 đến 16 giờ ngày 30/5/2024;

- Thời gian kết thúc đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn: Từ 07 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút ngày 30/5/2024;

- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến trước 16 giờ 30 phút ngày 30/5/2024;

- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút ngày 02/6/2024 tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn).

e) Cuộc đấu giá quyền sử dụng đất và công bố vào ngày 09/6/2024, gồm 21 lô đất tại Khu dân cư nông thôn xóm 2, thôn An Hoà, xã Nhơn Khánh (Khu D), gồm: Lô số D7, lô số D10, lô số D13 và từ lô số D21 đến lô số D38; Các lô đất còn lại thuộc các Khu, Điểm dân cư do không có người tham gia đấu giá của phiên đấu giá ngày 02/6/2024; cụ thể như sau:

- Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: Liên tục kể từ ngày niêm yết đến 11 giờ 30 phút ngày 06/6/2024 tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương;

- Thời gian đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá tại Số 320 đường Trần Phú (Lầu 1), phường Bình Định, thị xã An Nhơn: Từ 07 giờ 30 phút ngày 05/6/2024 đến 16 giờ 30 phút ngày 06/6/2024;

- Thời gian kết thúc đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn: Từ 07 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút ngày 06/6/2024;

- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến trước 16 giờ 30 phút ngày 06/6/2024;

- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút ngày 09/6/2024 tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn).

f) Cuộc đấu giá quyền sử dụng đất ở và công bố giá vào các ngày chủ nhật hàng tuần sau ngày 09/6/2024 (Các lô đất còn lại thuộc các Khu, Điểm dân cư nêu trên do không có người tham gia đấu giá), cụ thể như sau:

- Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: liên tục đến 16 giờ 30 phút ngày thứ 5 hàng tuần tại Số 320 đường Trần Phú (Lầu 1), phường Bình Định, thị xã An Nhơn;

- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến trước 16 giờ 30 phút ngày thứ 5 hàng tuần;

- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: Bắt đầu lúc 08 giờ 00 phút ngày chủ nhật hàng tuần tại Số 320 đường Trần Phú (Lầu 1), phường Bình Định, thị xã An Nhơn.

Để tổ chức, thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất ở đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn kính đề nghị Sở Tài chính và Sở Tư pháp Bình Định đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính và Sở Tư pháp Bình Định.

(Cụ thể có bảng kê Thông báo đấu giá và hồ sơ pháp lý kèm theo)

Rất mong sự phối hợp thực hiện của quý Sở để Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

Địa chỉ liên hệ: Số 75 đường Lê Hồng Phong, phường Bình Định, thị xã An Nhơn; Điện thoại: 0256.3735.456 hoặc 0934.822.766 (Nhân)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang TT điện tử thị xã;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC

[Signature]
Nguyễn Thanh Hồng

**BẢNG KÊ CÁC LÔ ĐẤT THÔNG BÁO ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI ĐỊA BÀN THỊ XÃ AN NHƠN**

(Kèm theo Công văn số: 147/BQLĐAĐTXD&PTQĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2024
của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn)

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
I. Phiên đấu giá và công bố giá ngày 12/5/2024										
Khu dân cư phía Tây đường liên phường Bình Định đi Nhơn Hưng tại phường Bình Định và phường Nhơn Hưng (Khu NOLK-01)										
1	6	113,97	Đường D3	16	11.500.000	1.310.655.000	262.131.000	500.000	40.000.000	
2	7	119,95	//	//	11.500.000	1.379.425.000	275.885.000	500.000	42.000.000	
3	8	125,92	//	//	11.500.000	1.448.080.000	289.616.000	500.000	44.000.000	
4	9	131,90	//	//	11.500.000	1.516.830.000	303.370.000	500.000	46.000.000	
5	10	137,87	//	//	11.500.000	1.585.505.000	317.101.000	500.000	48.000.000	
6	11	143,85	//	//	11.500.000	1.654.275.000	330.855.000	500.000	50.000.000	
7	12	149,82	//	//	11.500.000	1.722.930.000	344.586.000	500.000	52.000.000	
8	13	246,57	Đường N8 và đường D3	//	13.800.000	3.402.666.000	680.533.200	500.000	103.000.000	Lô góc
9	14	148,16	Đường N8	//	11.500.000	1.703.840.000	340.768.000	500.000	52.000.000	
10	15	136,45	//	//	11.500.000	1.569.175.000	313.835.000	500.000	48.000.000	
11	16	124,74	//	//	11.500.000	1.434.510.000	286.902.000	500.000	44.000.000	
12	17	186,73	Đường D1 và đường N8	19, 16	15.600.000	2.912.988.000	582.597.600	500.000	88.000.000	Lô góc
13	18	125,00	Đường D1	19	13.000.000	1.625.000.000	325.000.000	500.000	49.000.000	
14	19	125,00	//	//	13.000.000	1.625.000.000	325.000.000	500.000	49.000.000	
15	20	125,00	//	//	13.000.000	1.625.000.000	325.000.000	500.000	49.000.000	
16	21	125,00	//	//	13.000.000	1.625.000.000	325.000.000	500.000	49.000.000	
17	22	125,00	//	//	13.000.000	1.625.000.000	325.000.000	500.000	49.000.000	
18	23	125,00	//	//	13.000.000	1.625.000.000	325.000.000	500.000	49.000.000	
19	24	125,00	//	//	13.000.000	1.625.000.000	325.000.000	500.000	49.000.000	
20	25	125,00	//	//	13.000.000	1.625.000.000	325.000.000	500.000	49.000.000	
21	26	125,00	//	//	13.000.000	1.625.000.000	325.000.000	500.000	49.000.000	
Cộng		2.890,93	-	-	-	36.265.899.000	7.253.179.800	-	-	
Khu dân cư phía Tây đường liên phường Bình Định đi Nhơn Hưng tại phường Bình Định và phường Nhơn Hưng (Khu NOLK-03)										
22	9	100,00	Đường QH9	16	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lý giải (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
-----	----------------	-----------------------------	--------	-------------	--	----------------------	-----------------------	------------------------------------	-----------------	---------

Khu dân cư phía Tây đường liên phường Bình Định đi Nhơn Hưng tại phường Bình Định và phường Nhơn Hưng (Khu NOLK-04)

23	19	100,00	Đường D3	16	12.650.000	1.265.000.000	253.000.000	500.000	38.000.000	Giáp đường kỹ thuật
24	20	100,00	//	//	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000	
25	21	100,00	//	//	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000	
26	22	100,00	//	//	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000	
27	23	100,00	//	//	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000	
28	24	100,00	//	//	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000	
29	25	100,00	//	//	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000	
30	26	100,00	//	//	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000	
31	27	100,00	//	//	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000	
32	28	100,00	//	//	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000	
33	29	100,00	//	//	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000	
34	30	100,00	//	//	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000	
35	31	100,00	//	//	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000	
36	47	100,00	//	//	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	500.000	35.000.000	
Cộng		1.400,00	-	-	-	16.215.000.000	3.243.000.000	-	-	

Khu dân cư số 2 phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, khu vực Vĩnh Liêm, phường Bình Định (Khu NP - TM2)

37	1	782,34	Đường gom Nguyễn Văn Linh (đường Nguyễn Văn Linh) và đường QH ĐS 11	56 20,5	21.600.000	16.898.544.000	3.379.708.800	500.000	507.000.000	Lô góc
38	2	300,00	Đường gom Nguyễn Văn Linh (đường Nguyễn Văn Linh)	56	18.000.000	5.400.000.000	1.080.000.000	500.000	162.000.000	
39	3	300,00	//	//	18.000.000	5.400.000.000	1.080.000.000	500.000	162.000.000	
40	4	300,00	//	//	18.000.000	5.400.000.000	1.080.000.000	500.000	162.000.000	
41	5	300,00	//	//	18.000.000	5.400.000.000	1.080.000.000	500.000	162.000.000	
42	6	300,00	//	//	18.000.000	5.400.000.000	1.080.000.000	500.000	162.000.000	
43	7	300,00	//	//	18.000.000	5.400.000.000	1.080.000.000	500.000	162.000.000	
44	8	300,00	//	//	18.000.000	5.400.000.000	1.080.000.000	500.000	162.000.000	
45	9	300,00	//	//	18.000.000	5.400.000.000	1.080.000.000	500.000	162.000.000	
46	10	300,00	//	//	18.000.000	5.400.000.000	1.080.000.000	500.000	162.000.000	
47	11	300,00	//	//	18.000.000	5.400.000.000	1.080.000.000	500.000	162.000.000	
48	12	300,00	//	//	18.000.000	5.400.000.000	1.080.000.000	500.000	162.000.000	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lệ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hỗ trợ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
49	13	347,39	Đường gom Nguyễn Văn Linh (đường Nguyễn Văn Linh) và đường QH ĐS 1	56 20	21.600.000	7.503.624.000	1.500.724.800	500.000	226.000.000	Lô góc
50	14	321,57	Đường QH ĐS7 và đường QH ĐS1	20,5 20	15.600.000	5.016.492.000	1.003.298.400	500.000	151.000.000	Lô góc
51	15	278,31	Đường QH ĐS7	20,5	13.000.000	3.618.030.000	723.606.000	500.000	109.000.000	
52	16	278,16	//	//	13.000.000	3.616.080.000	723.216.000	500.000	109.000.000	
53	17	278,01	//	//	13.000.000	3.614.130.000	722.826.000	500.000	109.000.000	
54	18	277,87	//	//	13.000.000	3.612.310.000	722.462.000	500.000	109.000.000	
55	19	277,72	//	//	13.000.000	3.610.360.000	722.072.000	500.000	109.000.000	
56	20	277,57	//	//	13.000.000	3.608.410.000	721.682.000	500.000	109.000.000	
57	21	277,42	//	//	13.000.000	3.606.460.000	721.292.000	500.000	109.000.000	
58	22	277,27	//	//	13.000.000	3.604.510.000	720.902.000	500.000	109.000.000	
59	23	277,12	//	//	13.000.000	3.602.560.000	720.512.000	500.000	109.000.000	
60	24	641,25	Đường QH ĐS7 và đường QH ĐS11	//	15.600.000	10.003.500.000	2.000.700.000	500.000	301.000.000	Lô góc
Cộng		7.892,00	-	-	-	131.315.010.000	26.263.002.000	-	-	
Điểm quy hoạch dân cư giáp nhà máy nước sạch, khu vực Kim Châu, phường Bình Định (Khu A)										
61	18	137,90	Đường DS2 và đường DS3	14	4.800.000	661.920.000	132.384.000	500.000	23.000.000	Lô góc
62	19	124,60	Đường DS3	14	4.000.000	498.400.000	99.680.000	200.000	17.000.000	
63	23	181,10	//	//	4.000.000	724.400.000	144.880.000	500.000	25.000.000	
64	24	211,10	//	//	4.000.000	844.400.000	168.880.000	500.000	29.000.000	
65	25	190,80	//	//	4.000.000	763.200.000	152.640.000	500.000	26.000.000	
66	26	141,00	Đường DS1	14	4.000.000	564.000.000	112.800.000	500.000	19.000.000	
67	31	227,80	Đường DS1 và đường DS3	14	4.800.000	1.093.440.000	218.688.000	500.000	33.000.000	Lô góc
Cộng		1.214,30	-	-	-	5.149.760.000	1.029.952.000	-	-	
Điểm quy hoạch dân cư giáp nhà máy nước sạch, khu vực Kim Châu, phường Bình Định (Khu B)										
68	12	138,10	Đường DS1 và đường DS3	14	4.800.000	662.880.000	132.576.000	500.000	23.000.000	Lô góc
Tổng cộng		13.635,33	-	-	-	190.758.549.000	38.151.709.800	-	-	
II. Phiên đấu giá và công bố giá ngày 19/5/2024										
Khu dân cư Đồng Bàn Thành 2, khu vực Bà Canh, phường Đập Đá (Khu OLK-01)										
1	1	218,50	Đường DS1 và đường DS6	35, 15	18.000.000	3.933.000.000	786.600.000	500.000	118.000.000	Lô góc
2	2	111,00	Đường DS1	35	15.000.000	1.665.000.000	333.000.000	500.000	50.000.000	
3	3	112,00	//	//	15.000.000	1.680.000.000	336.000.000	500.000	51.000.000	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hỗ trợ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
4	22	113,00	Đường ĐS3	22	12.500.000	1.412.500.000	282.500.000	500.000	43.000.000	
5	23	113,50	//	//	12.500.000	1.418.750.000	283.750.000	500.000	43.000.000	
6	24	229,50	Đường ĐS3 và đường ĐS6	22, 15	15.000.000	3.442.500.000	688.500.000	500.000	104.000.000	Lô góc
7	25	123,00	Đường ĐS6	15	11.500.000	1.414.500.000	282.900.000	500.000	43.000.000	
8	26	123,00	//	//	11.500.000	1.414.500.000	282.900.000	500.000	43.000.000	
9	27	123,00	//	//	11.500.000	1.414.500.000	282.900.000	500.000	43.000.000	
10	28	123,00	//	//	11.500.000	1.414.500.000	282.900.000	500.000	43.000.000	
11	29	123,00	//	//	11.500.000	1.414.500.000	282.900.000	500.000	43.000.000	
12	30	123,00	//	//	11.500.000	1.414.500.000	282.900.000	500.000	43.000.000	
13	31	123,00	//	//	11.500.000	1.414.500.000	282.900.000	500.000	43.000.000	
14	32	123,00	//	//	11.500.000	1.414.500.000	282.900.000	500.000	43.000.000	
15	33	123,00	//	//	11.500.000	1.414.500.000	282.900.000	500.000	43.000.000	
16	34	123,00	//	//	11.500.000	1.414.500.000	282.900.000	500.000	43.000.000	
Cộng		2.127,50	-	-	-	27.696.750.000	5.539.350.000	-	-	
Khu dân cư Đồng Bàn Thành 2, khu vực Bả Canh, phường Đập Đá (Khu OLK-02)										
17	1	136,50	Đường ĐS1 và đường ĐS6	35, 15	18.000.000	2.457.000.000	491.400.000	500.000	74.000.000	Lô góc
18	3	104,50	Đường ĐS1	35	15.000.000	1.567.500.000	313.500.000	500.000	48.000.000	
19	4	104,00	//	//	15.000.000	1.560.000.000	312.000.000	500.000	47.000.000	
20	7	105,00	Đường ĐS7	16	11.500.000	1.207.500.000	241.500.000	500.000	37.000.000	
21	10	105,00	//	//	11.500.000	1.207.500.000	241.500.000	500.000	37.000.000	
22	11	105,00	//	//	11.500.000	1.207.500.000	241.500.000	500.000	37.000.000	
23	12	105,00	//	//	11.500.000	1.207.500.000	241.500.000	500.000	37.000.000	
24	13	105,00	//	//	11.500.000	1.207.500.000	241.500.000	500.000	37.000.000	
25	14	105,00	//	//	11.500.000	1.207.500.000	241.500.000	500.000	37.000.000	
26	16	105,00	//	//	11.500.000	1.207.500.000	241.500.000	500.000	37.000.000	
27	17	172,00	Đường ĐS3 và Đường ĐS7	22, 16	15.000.000	2.580.000.000	516.000.000	500.000	78.000.000	Lô góc
28	18	122,00	Đường ĐS3	22	12.500.000	1.525.000.000	305.000.000	500.000	46.000.000	
29	19	121,00	//	//	12.500.000	1.512.500.000	302.500.000	500.000	46.000.000	
30	20	120,00	//	//	12.500.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	45.000.000	
31	21	119,00	//	//	12.500.000	1.487.500.000	297.500.000	500.000	45.000.000	
32	22	153,00	//	//	15.000.000	2.295.000.000	459.000.000	500.000	69.000.000	Lô góc
33	23	102,00	Đường ĐS6	15	11.500.000	1.173.000.000	234.600.000	500.000	36.000.000	
34	24	102,00	//	//	11.500.000	1.173.000.000	234.600.000	500.000	36.000.000	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hỗ trợ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	G cl
35	25	102,00	//	//	11.500.000	1.173.000.000	234.600.000	500.000	36.000.000	
36	26	102,00	//	//	11.500.000	1.173.000.000	234.600.000	500.000	36.000.000	
37	27	102,00	//	//	11.500.000	1.173.000.000	234.600.000	500.000	36.000.000	
38	28	102,00	//	//	11.500.000	1.173.000.000	234.600.000	500.000	36.000.000	
39	29	102,00	//	//	11.500.000	1.173.000.000	234.600.000	500.000	36.000.000	
40	30	102,00	//	//	11.500.000	1.173.000.000	234.600.000	500.000	36.000.000	
41	31	102,00	//	//	11.500.000	1.173.000.000	234.600.000	500.000	36.000.000	
42	32	102,00	//	//	11.500.000	1.173.000.000	234.600.000	200.000	36.000.000	
Cộng		2.907,00	-	-	-	1.173.000.000	234.600.000	500.000	36.000.000	
						36.667.000.000	7.333.400.000	-	-	
Khu dân cư Đồng Bàn Thành 2, khu vực Bả Canh, phường Đập Đá (Khu OLK-04)										
43	18	160,00	Đường ĐS9 và Đường ĐS3	30, 22	16.800.000	2.688.000.000	537.600.000	200.000	81.000.000	Lô góc
44	19	177,00	Đường ĐS9 và đường ĐS2	30, 15	16.800.000	2.973.600.000	594.720.000	200.000	90.000.000	Lô góc
Cộng		337,00	-	-	-	5.661.600.000	1.132.320.000	-	-	
Khu dân cư Đồng Bàn Thành 2, khu vực Bả Canh, phường Đập Đá (Khu Shop house)										
45	1	278,0	Đường ĐS1 và đường ĐS7	35, 16	16.800.000	4.670.400.000	934.080.000	500.000	141.000.000	Lô góc
46	2	300,0	Đường ĐS1	35	14.000.000	4.200.000.000	840.000.000	500.000	126.000.000	
47	3	300,0	//	//	14.000.000	4.200.000.000	840.000.000	500.000	126.000.000	
48	4	300,0	//	//	14.000.000	4.200.000.000	840.000.000	500.000	126.000.000	
49	5	300,0	//	//	14.000.000	4.200.000.000	840.000.000	500.000	126.000.000	
50	6	300,0	//	//	14.000.000	4.200.000.000	840.000.000	500.000	126.000.000	
51	7	300,0	//	//	14.000.000	4.200.000.000	840.000.000	500.000	126.000.000	
52	8	300,0	//	//	14.000.000	4.200.000.000	840.000.000	500.000	126.000.000	
53	9	300,0	//	//	14.000.000	4.200.000.000	840.000.000	500.000	126.000.000	
54	10	300,0	//	//	14.000.000	4.200.000.000	840.000.000	500.000	126.000.000	
55	11	300,0	//	//	14.000.000	4.200.000.000	840.000.000	500.000	126.000.000	
56	12	281,5	Đường ĐS1 và đường ĐS9	35, 30	16.800.000	4.200.000.000	840.000.000	500.000	126.000.000	
Cộng		3.559,50	-	-	-	4.729.200.000	945.840.000	500.000	142.000.000	Lô góc
						51.399.600.000	10.279.920.000	-	-	
Khu dân cư nông thôn xóm 2, thôn An Hòa (Đợt 2), xã Nhơn Khánh (Khu B)										
57	B2	110,00	Đường ĐS6	14	5.900.000	649.000.000	129.800.000	500.000	22.000.000	
58	B3	110,00	//	//	5.900.000	649.000.000	129.800.000	500.000	22.000.000	
59	B4	110,00	//	//	5.900.000	649.000.000	129.800.000	500.000	22.000.000	
60	B5	110,00	//	//	5.900.000	649.000.000	129.800.000	500.000	22.000.000	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hỗ trợ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
61	B6	110,00	//	//	5.900.000	649.000.000	129.800.000	500.000	22.000.000	
62	B7	110,00	//	//	5.900.000	649.000.000	129.800.000	500.000	22.000.000	
63	B8	102,00	Đường QH ĐS6 và đường ĐS5	//	7.080.000	722.160.000	144.432.000	500.000	25.000.000	Lô góc
64	B9	132,00	Đường QH ĐS5	14	5.000.000	660.000.000	132.000.000	500.000	23.000.000	
65	B10	132,00	//	//	5.000.000	660.000.000	132.000.000	500.000	23.000.000	
66	B11	132,00	//	//	5.000.000	660.000.000	132.000.000	500.000	23.000.000	
67	B12	132,00	//	//	5.000.000	660.000.000	132.000.000	500.000	23.000.000	
68	B13	132,00	//	//	5.000.000	660.000.000	132.000.000	500.000	23.000.000	
69	B14	132,00	//	//	5.000.000	660.000.000	132.000.000	500.000	23.000.000	
70	B23	132,00	Đường ĐS4	20	6.000.000	792.000.000	158.400.000	500.000	27.000.000	
71	B28	132,00	//	//	6.000.000	792.000.000	158.400.000	500.000	27.000.000	
Cộng		1.818,00	-	-	-	10.160.160.000	2.032.032.000	-	-	
Tổng cộng		10.749,00	-	-	-	131.585.110.000	26.317.022.000	-	-	

III. Phiên đấu giá và công bố giá ngày 26/5/2024

Khu dân cư phía Tây đường Chu Văn An, phường Nhơn Hưng (Khu A)

1	9	126,50	Đường N6	20	7.900.000	999.350.000	199.870.000	500.000	34.000.000	
2	15	136,80	//	//	7.900.000	1.080.720.000	216.144.000	500.000	37.000.000	
3	16	144,00	//	//	7.900.000	1.137.600.000	227.520.000	500.000	39.000.000	
4	17	155,60	//	//	9.480.000	1.475.088.000	295.017.600	500.000	45.000.000	Lô góc
5	18	130,40	Đường Ngõ Đôn Đê và đường ĐS1	30, 12	13.200.000	1.721.280.000	344.256.000	500.000	52.000.000	Lô góc
Cộng		693,30	-	-	-	6.414.038.000	1.282.807.600	-	-	

Khu dân cư tiếp giáp với khu dân cư N4A nối dài về phía Tây, phường Nhơn Hưng (Khu NOLK01)

6	07	125,00	Đường N4A	32	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
7	10	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
8	11	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
9	12	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
10	13	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
11	14	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
12	15	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
13	16	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
14	17	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
15	18	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
16	19	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
17	20	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
18	21	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
19	22	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
20	23	185,75	//	//	11.400.000	2.117.550.000	423.510.000	500.000	64.000.000	Lô góc
Cộng		1.935,75	-	-	-	18.742.550.000	3.748.510.000	-	-	
Khu dân cư tiếp giáp với khu dân cư N4A nối dài về phía Tây, phường Nhơn Hưng (Khu NOLK02)										
21	01	185,75	Đường N4A	32	11.400.000	2.117.550.000	423.510.000	500.000	64.000.000	Lô góc
22	02	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
23	03	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
24	04	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
25	05	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
26	06	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
27	07	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
28	08	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
29	09	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
30	10	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
31	11	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
32	12	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
33	13	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
34	14	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
35	15	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
36	16	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
37	17	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
38	18	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
39	19	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
40	20	125,00	//	//	9.500.000	1.187.500.000	237.500.000	500.000	36.000.000	
Cộng		2.560,75	-	-	-	24.680.050.000	4.936.010.000	-	-	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hỗ trợ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
Khu dân cư khu vực Phò An, phường Nhơn Hưng - Đợt 2 (Khu D)										
41	01	140,80	Đường QH DS7	10	5.160.000	726.528.000	145.305.600	500.000	25.000.000	Lô góc
42	07	112,70	Đường QH DS8	//	4.300.000	484.610.000	96.922.000	200.000	16.000.000	
43	11	119,60	Đường QH DS5	//	4.300.000	514.280.000	102.856.000	500.000	17.000.000	
44	12	112,70	//	//	4.300.000	484.610.000	96.922.000	200.000	16.000.000	
Cộng		485,80	-	-	-	2.210.028.000	442.005.600	-	-	
Điểm dân cư khu vực Phò An (vị trí xen kẹt: Cạnh nhà ông Bùi Văn Việt), phường Nhơn Hưng										
45	01	82,80	Đường QH DS2	9	4.500.000	372.600.000	74.520.000	200.000	13.000.000	
46	02	79,00	//	//	4.500.000	355.500.000	71.100.000	200.000	12.000.000	
47	03	70,00	Đường QH DS2 và đường QH DS1	9	5.400.000	378.000.000	75.600.000	200.000	13.000.000	Lô góc
48	04	89,40	Đường QH DS1	9	4.300.000	384.420.000	76.884.000	200.000	13.000.000	
49	05	89,30	//	//	4.300.000	383.990.000	76.798.000	200.000	13.000.000	
50	06	95,00	//	//	5.160.000	490.200.000	98.040.000	200.000	17.000.000	Lô góc
Cộng		505,50	-	-	-	2.364.710.000	472.942.000	-	-	
Khu dân cư nông thôn xóm 2, thôn An Hòa (Đợt 2), xã Nhơn Khánh (Khu E)										
51	E1	124,00	Đường DS4 và đường DS8	20 14	7.200.000	892.800.000	178.560.000	500.000	31.000.000	Lô góc
52	E2	132,00	//	//	6.000.000	792.000.000	158.400.000	500.000	27.000.000	
53	E3	132,00	//	//	6.000.000	792.000.000	158.400.000	500.000	27.000.000	
54	E4	132,00	//	//	6.000.000	792.000.000	158.400.000	500.000	27.000.000	
55	E5	132,00	//	//	6.000.000	792.000.000	158.400.000	500.000	27.000.000	
56	E6	132,00	//	//	6.000.000	792.000.000	158.400.000	500.000	27.000.000	
57	E7	132,00	//	//	6.000.000	792.000.000	158.400.000	500.000	27.000.000	
58	E8	132,00	//	//	6.000.000	792.000.000	158.400.000	500.000	27.000.000	
59	E9	132,00	//	//	6.000.000	792.000.000	158.400.000	500.000	27.000.000	
60	E10	132,00	//	//	6.000.000	792.000.000	158.400.000	500.000	27.000.000	
61	E11	132,00	//	//	6.000.000	792.000.000	158.400.000	500.000	27.000.000	
62	E12	124,00	Đường DS4 và đường DS9	20 14	7.200.000	892.800.000	178.560.000	500.000	31.000.000	Lô góc
63	E13	124,00	Đường QH DS5 và đường DS9	14	6.000.000	744.000.000	148.800.000	500.000	26.000.000	Lô góc
64	E14	132,00	//	//	5.000.000	660.000.000	132.000.000	500.000	23.000.000	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hỗ trợ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
65	E15	132,00	//	//	5.000.000	660.000.000	132.000.000	500.000	23.000.000	
66	E16	132,00	//	//	5.000.000	660.000.000	132.000.000	500.000	23.000.000	
67	E18	132,00	//	//	5.000.000	660.000.000	132.000.000	500.000	23.000.000	
68	E19	132,00	//	//	5.000.000	660.000.000	132.000.000	500.000	23.000.000	
69	E20	132,00	//	//	5.000.000	660.000.000	132.000.000	500.000	23.000.000	
70	E21	132,00	//	//	5.000.000	660.000.000	132.000.000	500.000	23.000.000	
71	E22	132,00	//	//	5.000.000	660.000.000	132.000.000	500.000	23.000.000	
72	E23	132,00	//	//	5.000.000	660.000.000	132.000.000	500.000	23.000.000	
73	E24	124,00	Đường QH ĐS5 và đường ĐS8	14	6.000.000	744.000.000	148.800.000	500.000	26.000.000	Lô góc
Cộng		3.004,00	-	-	-	17.133.600.000	3.426.720.000	-	-	
Tổng cộng		9.185,10	-	-	-	71.544.976.000	14.308.995.200	-	-	

IV. Phiên đấu giá và công bố giá ngày 02/6/2024

Khu dân cư phía Nam đường Ngô Văn Sở (Đập Đá - Nhơn Hậu), xã Nhơn Hậu (Khu A)

1	1	106,40	Đường QH ĐS2	16	6.500.000	691.600.000	138.320.000	500.000	24.000.000	
2	5	110,60	//	//	6.500.000	718.900.000	143.780.000	500.000	25.000.000	
Cộng		217,00	-	-	-	1.410.500.000	282.100.000	-	-	

Khu dân cư phía Nam đường Ngô Văn Sở (Đập Đá - Nhơn Hậu), xã Nhơn Hậu (Khu B)

3	14	167,50	Đường QH ĐS3 và đường QH ĐS2	16	7.800.000	1.306.500.000	261.300.000	500.000	40.000.000	Lô góc
4	15	180,00	Đường QH ĐS3	16	6.500.000	1.170.000.000	234.000.000	500.000	36.000.000	
5	16	180,00	//	//	6.500.000	1.170.000.000	234.000.000	500.000	36.000.000	
Cộng		527,50	-	-	-	3.646.500.000	729.300.000	-	-	

Khu dân cư phía Nam đường Ngô Văn Sở (Đập Đá - Nhơn Hậu), xã Nhơn Hậu (Khu C)

6	1	225,10	Đường QH ĐS2 và đường QH ĐS1	16	7.800.000	1.755.780.000	351.156.000	500.000	53.000.000	Lô góc
7	14	167,50	Đường QH ĐS3 và đường QH ĐS2	16	7.800.000	1.306.500.000	261.300.000	500.000	40.000.000	Lô góc
8	15	180,00	Đường QH ĐS3	16	6.500.000	1.170.000.000	234.000.000	500.000	36.000.000	
Cộng		572,60	-	-	-	4.232.280.000	846.456.000	-	-	

Khu dân cư Ngãi Chánh 4 (giai đoạn 2), xã Nhơn Hậu (Khu A)

9	3	200,00	Đường QH ĐS2	16	5.700.000	1.140.000.000	228.000.000	500.000	35.000.000	
10	4	200,00	//	//	5.700.000	1.140.000.000	228.000.000	500.000	35.000.000	
11	5	200,00	//	//	5.700.000	1.140.000.000	228.000.000	500.000	35.000.000	
12	6	200,00	//	//	5.700.000	1.140.000.000	228.000.000	500.000	35.000.000	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
13	7	200,00	//	//	5.700.000	1.140.000.000	228.000.000	500.000	35.000.000	
14	8	200,00	//	//	5.700.000	1.140.000.000	228.000.000	500.000	35.000.000	
Cộng		1.200,00	-	-	-	6.840.000.000	1.368.000.000	-	-	
Khu dân cư Ngãi Chánh 4 (giai đoạn 2), xã Nhơn Hậu (Khu B)										
15	6	200,00	Đường QH ĐS2	16	5.700.000	1.140.000.000	228.000.000	500.000	35.000.000	
Diêm dân cư thôn Bắc Nhạn Thấp, xã Nhơn Hậu										
16	2	202,20	Đường QH ĐS1 và đường QH ĐS2	14	4.440.000	897.768.000	179.553.600	500.000	31.000.000	
17	3	197,10	Đường QH ĐS3 và đường QH ĐS2	9, 14	3.960.000	780.516.000	156.103.200	500.000	27.000.000	
Cộng		399,30	-	-	-	1.678.284.000	335.656.800	-	-	
Khu dân cư phía Tây chùa Bửu Quang, thôn Thắng Công, xã Nhơn Phúc (Khu A)										
18	A4	150,00	Đường ĐT636 (Từ ngã 4 An Thái ĐT 638 đến ranh giới sông sục Bình Nghi)	30	3.800.000	570.000.000	114.000.000	500.000	19.000.000	
19	A9	203,50	Đường ĐS1	12	3.120.000	634.920.000	126.984.000	500.000	22.000.000	Lô góc
20	A10	156,00	//	//	2.600.000	405.600.000	81.120.000	200.000	14.000.000	
21	A11	156,00	//	//	2.600.000	405.600.000	81.120.000	200.000	14.000.000	
22	A12	156,00	//	//	2.600.000	405.600.000	81.120.000	200.000	14.000.000	
23	A13	156,00	//	//	2.600.000	405.600.000	81.120.000	200.000	14.000.000	
24	A14	156,00	//	//	2.600.000	405.600.000	81.120.000	200.000	14.000.000	
25	A19	156,00	Đường ĐS2	12	2.800.000	436.800.000	87.360.000	200.000	15.000.000	
26	A20	156,00	//	//	2.800.000	436.800.000	87.360.000	200.000	15.000.000	
27	A22	156,00	//	//	2.800.000	436.800.000	87.360.000	200.000	15.000.000	
Cộng		1.601,50	-	-	-	4.543.320.000	908.664.000	-	-	
Khu dân cư phía Tây chùa Bửu Quang, thôn Thắng Công, xã Nhơn Phúc (Khu B)										
28	B22	150,00	Đường ĐS3	10	2.800.000	420.000.000	84.000.000	200.000	14.000.000	
29	B23	150,00	//	//	2.800.000	420.000.000	84.000.000	200.000	14.000.000	
30	B24	150,00	//	//	2.800.000	420.000.000	84.000.000	200.000	14.000.000	
31	B25	150,00	//	//	2.800.000	420.000.000	84.000.000	200.000	14.000.000	
32	B26	150,00	//	//	2.800.000	420.000.000	84.000.000	200.000	14.000.000	
33	B27	150,00	//	//	2.800.000	420.000.000	84.000.000	200.000	14.000.000	
34	B28	150,00	//	//	2.800.000	420.000.000	84.000.000	200.000	14.000.000	
Cộng		1.050,00	-	-	-	2.940.000.000	588.000.000	-	-	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
Khu dân cư trung tâm kết hợp đầu tư mở rộng chợ Nhơn Tân (Đợt 1), xã Nhơn Tân (Khu B)										
35	3	138,2	Đường QH ĐS1	24	7.500.000	1.036.500.000	207.300.000	500.000	32.000.000	
36	4	138,2	//	//	7.500.000	1.036.500.000	207.300.000	500.000	32.000.000	
37	5	138,2	//	//	7.500.000	1.036.500.000	207.300.000	500.000	32.000.000	
38	6	196,0	Đường QH ĐS1 và đường QH ĐS5	24, 18	9.000.000	1.764.000.000	352.800.000	500.000	53.000.000	Lô góc
39	11	125,1	Đường QH ĐS5	18	5.000.000	625.500.000	125.100.000	500.000	21.000.000	
40	18	253,8	Đường QH ĐS5 và đường QH ĐS3	18, 16	6.000.000	1.522.800.000	304.560.000	500.000	46.000.000	Lô góc
Cộng		989,50	-	-	-	7.021.800.000	1.404.360.000	-	-	
Khu dân cư trung tâm kết hợp đầu tư mở rộng chợ Nhơn Tân (Đợt 1), xã Nhơn Tân (Khu C)										
41	7	240,7	Đường QH ĐS1	18	6.000.000	1.444.200.000	288.840.000	500.000	44.000.000	
42	9	260,5	Đường QH ĐS1 và đường QH ĐS5	18	7.800.000	2.031.900.000	406.380.000	500.000	61.000.000	Lô góc
Cộng		501,2	-	-	-	3.476.100.000	695.220.000	-	-	
Khu dân cư trung tâm kết hợp đầu tư mở rộng chợ Nhơn Tân (Đợt 1), xã Nhơn Tân (Khu E)										
43	4	147,1	Đường QH ĐS3	16	4.700.000	691.370.000	138.274.000	500.000	24.000.000	
44	5	147,1	//	//	4.700.000	691.370.000	138.274.000	500.000	24.000.000	
45	6	147,1	//	//	4.700.000	691.370.000	138.274.000	500.000	24.000.000	
46	10	208,5	Đường QH ĐS3 và đường QH ĐS5	16, 18	6.000.000	1.251.000.000	250.200.000	500.000	38.000.000	Lô góc
Cộng		649,8	-	-	-	3.325.110.000	665.022.000	-	-	
Điểm dân cư Đám Hào, khu vực Lý Tây, phường Nhơn Thành										
47	07	133,30	Đường QH ĐS1	16	4.000.000	533.200.000	106.640.000	500.000	18.000.000	
48	08	136,40	//	//	4.000.000	545.600.000	109.120.000	500.000	19.000.000	
49	09	139,50	//	//	4.000.000	558.000.000	111.600.000	500.000	19.000.000	
50	10	142,60	//	//	4.000.000	570.400.000	114.080.000	500.000	19.000.000	
51	12	104,20	Đường QH ĐS1 và đường QH ĐS2	16, 14	4.800.000	500.160.000	100.032.000	500.000	17.000.000	Lô góc
52	13	144,80	Đường QH ĐS2	14	3.500.000	506.800.000	101.360.000	500.000	17.000.000	
53	14	117,00	Đường QH ĐS1 và đường QH ĐS2	16, 14	4.800.000	561.600.000	112.320.000	500.000	19.000.000	Lô góc
54	15	125,00	Đường QH ĐS1	16	4.000.000	500.000.000	100.000.000	200.000	17.000.000	
55	16	125,00	//	//	4.000.000	500.000.000	100.000.000	200.000	17.000.000	
56	17	125,00	//	//	4.000.000	500.000.000	100.000.000	200.000	17.000.000	
57	18	182,70	Đường QH ĐS2	14	4.200.000	767.340.000	153.468.000	500.000	26.000.000	Lô góc
Cộng		1.475,50	-	-	-	6.043.100.000	1.208.620.000	-	-	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
Tổng cộng		9.383,90	-	-	-	46.296.994.000	9.259.398.800	-	-	-

V. Phiên đấu giá và công bố giá ngày 09/6/2024

Khu dân cư nông thôn xóm 2, thôn An Hòa (Đợt 2), xã Nhơn Khánh (Khu D)

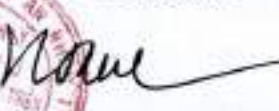
1	D7	120,00	Đường DS4	20	6.000.000	720.000.000	144.000.000	500.000	25.000.000	
2	D10	120,00	//	//	6.000.000	720.000.000	144.000.000	500.000	25.000.000	
3	D13	110,00	//	//	6.000.000	660.000.000	132.000.000	500.000	23.000.000	
4	D21	120,00	//	//	6.000.000	720.000.000	144.000.000	500.000	25.000.000	
5	D22	120,00	//	//	6.000.000	720.000.000	144.000.000	500.000	25.000.000	
6	D23	120,00	//	//	6.000.000	720.000.000	144.000.000	500.000	25.000.000	
7	D24	120,00	//	//	6.000.000	720.000.000	144.000.000	500.000	25.000.000	
8	D25	120,00	//	//	6.000.000	720.000.000	144.000.000	500.000	25.000.000	
9	D26	120,00	//	//	6.000.000	720.000.000	144.000.000	500.000	25.000.000	
10	D27	120,00	//	//	6.000.000	720.000.000	144.000.000	500.000	25.000.000	
11	D28	120,00	//	//	6.000.000	720.000.000	144.000.000	500.000	25.000.000	
12	D29	120,00	//	//	6.000.000	720.000.000	144.000.000	500.000	25.000.000	
13	D30	112,00	Đường DS4 và đường DS9	20 14	7.200.000	806.400.000	161.280.000	500.000	28.000.000	Lô góc
14	D31	112,00	Đường DS3 và đường DS9	14	6.600.000	739.200.000	147.840.000	500.000	25.000.000	Lô góc
15	D32	120,00	Đường DS3	14	5.500.000	660.000.000	132.000.000	500.000	23.000.000	
16	D33	120,00	//	//	5.500.000	660.000.000	132.000.000	500.000	23.000.000	
17	D34	120,00	//	//	5.500.000	660.000.000	132.000.000	500.000	23.000.000	
18	D35	120,00	//	//	5.500.000	660.000.000	132.000.000	500.000	23.000.000	
19	D36	120,00	//	//	5.500.000	660.000.000	132.000.000	500.000	23.000.000	
20	D37	120,00	//	//	5.500.000	660.000.000	132.000.000	500.000	23.000.000	
21	D38	120,00	//	//	5.500.000	660.000.000	132.000.000	500.000	23.000.000	
Cộng		2.494,00	-	-	-	14.745.600.000	2.949.120.000	-	-	-
Tổng cộng		45.447,33	-	-	-	454.931.229.000	90.986.245.800	-	-	-

Người lập


Trần Đạt Nhân

GIÁM ĐỐC




Nguyễn Thanh Hồng